

Số: 84 /QĐ-SVHTTDL

Tây Ninh, ngày 27 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt dự toán mua sắm Bộ nhận diện
thương hiệu hình ảnh tỉnh Tây Ninh

GIÁM ĐỐC SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TÂY NINH

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023;

Căn cứ Thông tư số 01/2024/TT-BKHĐT ngày 15/02/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội; Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11/11/2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016;

Căn cứ Nghị quyết số 59/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Công văn số 1350/UBND-KGVX ngày 22/4/2022 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc tham mưu thực hiện theo nội dung Thông báo số 741-TB/VPTU;

Căn cứ Công văn số 3517/UBND-KGVX ngày 17/10/2022 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc chủ trương mời đơn vị tư vấn xây dựng bộ nhận diện thương hiệu hình ảnh tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Công văn số 7888/VP-KGVX ngày 05/9/2023 của Văn phòng UBND tỉnh Tây Ninh về việc cho ý kiến Đề cương xây dựng Bộ nhận diện thương hiệu hình ảnh tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 2646/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Thông báo số 21/TB-STC ngày 15/01/2024 của Sở Tài chính về kết quả kiểm tra phân bổ dự toán ngân sách năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 20/QĐ-SVHTTDL ngày 16/01/2024 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024. Đơn vị: Văn phòng Sở;

Căn cứ Công văn số 437/STC-HCSN ngày 30/01/2024 về kinh phí thực hiện nhiệm vụ của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Thư chào phí dịch vụ số 1902/TD-LOTUS ngày 19/02/2024 của Công ty cổ phần thẩm định và đầu tư tài chính Hoa Sen;

Căn cứ Báo giá số 07/BV/DVTV-TNP ngày 26/02/2024 của Công ty TNHH Tây Nam Phát về việc báo giá chi phí tư vấn thẩm định E-HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Báo giá ngày 19/02/2024 của Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư xây dựng Đại Hưng về việc báo giá chi phí tư vấn lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số 01ĐN.270224.A.DN032/CT-VFI ngày 27/02/2024 của Công ty cổ phần đầu tư và thẩm định tài chính Hoa Sen;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Trưởng phòng Quản lý Văn hóa và Gia đình thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Phiếu trình ngày 27/02/2024 về việc phê duyệt dự toán mua sắm gói thầu Bộ nhận diện thương hiệu hình ảnh tỉnh Tây Ninh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán mua sắm gói thầu Xây dựng Bộ nhận diện thương hiệu hình ảnh tỉnh Tây Ninh, cụ thể như sau:

1. Tên gói thầu: Xây dựng Bộ nhận diện thương hiệu hình ảnh tỉnh Tây Ninh.
2. Đơn vị thực hiện mua sắm: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Tây Ninh
3. Nội dung mua sắm: Mời đơn vị tư vấn xây dựng Bộ nhận diện thương hiệu hình ảnh tỉnh Tây Ninh tại văn bản số 3517/UBND-KGVX ngày 17/10/2022 của UBND tỉnh Tây Ninh.
4. Tổng dự toán mua sắm: 377.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi bảy triệu đồng), bao gồm:
 - Chi phí mua sắm Bộ nhận diện thương hiệu hình ảnh tỉnh Tây Ninh: 350.000.000 đồng.
 - Chi phí tư vấn lựa chọn nhà thầu: 8.000.000 đồng.
 - Chi phí thẩm định E-HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu: 4.000.000 đồng.
 - Chi phí thẩm định giá : 15.000.000 đồng

(Đính kèm dự toán mua sắm)

5. Nguồn vốn: Thực hiện theo Quyết định số 20/QĐ-SVHTTDL ngày 16/01/2024 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 và Công văn số 437/STC-HCSN ngày 30/01/2024 của Sở Tài chính về kinh phí thực hiện nhiệm vụ của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Nguồn kinh phí không giao tự chủ (Sự nghiệp văn hóa) để thực hiện chi phí mua sắm Bộ nhận diện thương hiệu hình ảnh tỉnh Tây Ninh; chi phí tư vấn, thẩm định E-HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu, với số tiền là 362.000.000 đồng (Ba trăm sáu mươi hai triệu đồng), theo Công văn số 437/STC-HCSN ngày 30/01/2024.

- Nguồn kinh phí tự chủ để thực hiện chi phí thẩm định giá Bộ nhận diện thương hiệu hình ảnh tỉnh Tây Ninh, với số tiền là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

6. Phương thức mua sắm: Thực hiện theo pháp luật về đấu thầu và pháp luật có liên quan.

7. Thời gian thực hiện: Năm 2024

Điều 2.

- Trưởng phòng Quản lý Văn hóa và Gia đình thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch triển khai thực hiện các thủ tục tiếp theo đúng quy định và tính chính xác của dự toán.

- Văn phòng Sở phối hợp với phòng Quản lý Văn hóa và Gia đình thực hiện quy trình mua sắm đảm bảo đúng quy định hiện hành và các văn bản quy định khác liên quan.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng Quản lý Văn hóa và Gia đình thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- GD, các PGĐ Sở;
- LĐVP; Phòng QLVH&GD;
- Lưu VT.



Trần Thị Huy Hoàng

DỰ TOÁN MUA SẴM
XÂY DỰNG BỘ NHẬN DIỆN THƯƠNG HIỆU HÌNH ẢNH
TỈNH TÂY NINH NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 84 /QĐ-SVHTTDL ngày 27 tháng 02 năm 2024)

STT	DANH MỤC HỒ SƠ	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)
A	Bộ nhận diện thương hiệu hình ảnh tỉnh Tây Ninh					
I	TN.01_PHẦN I. HÌNH ẢNH NDTH TÂY NINH					
	TN.01.01_LOGO_Chuyển hóa sử dụng biểu					160.000.000
1	trung		Bộ	1	10.000.000	10.000.000
1,1	TN.01.01.01	Hình dạng và ý nghĩa (hiện hữu)				
1,2	TN.01.01.02	Màu sắc chủ đạo (hiện hữu) và nguyên tắc phối hợp				
1,3	TN.01.01.03	Kiểu chữ				
1,4	TN.01.01.04	Dấu hiệu phụ trợ				
1,5	TN.01.01.05	Khoảng cách tối thiểu				
1,6	TN.01.01.06	Tỷ lệ logo trên một số khuôn khổ tiêu biểu				
1,7	TN.01.01.07	Phối hợp với logo các cấp trực thuộc				
1,8	TN.01.01.08	Phối hợp với logo đối tác				
1,9	TN.01.01.09	Một số hiệu ứng, kỹ thuật tiêu biểu				
1,10	TN.01.01.10	Một số trường hợp không nên sử dụng				
2	TN.01.02_MASCOT_Chuyển hóa Linh vật					
	thương hiệu		Bộ	1	50.000.000	50.000.000
2,1	TN.01.02.01	Hình dạng và ý nghĩa				
2,2	TN.01.02.02	Màu sắc chủ đạo và nguyên tắc phối hợp				
2,3	TN.01.02.03	Biểu cảm đặc trưng				
2,4	TN.01.02.04	Hoạt động đặc trưng				
2,5	TN.01.02.05	Một số trường hợp không nên sử dụng				
2,6	TN.01.02.06	Một số ứng dụng tiêu biểu				
3	TN.01.03_KEY VISUAL_Chuyển hóa hình					
	ảnh đại diện thương hiệu		Bộ	1	50.000.000	50.000.000
3,1	TN.01.03.01	Hình dạng và ý nghĩa				
3,2	TN.01.03.02	Yếu tố hình và nền				



(Handwritten signature)

3,3	TN.01.03.03	Yếu tố màu sắc				
3,4	TN.01.03.04	Yếu tố bố cục (hướng, tỷ lệ, vị trí, ...)				
3,5	TN.01.03.05	Một số trường hợp không nên sử dụng				
3,6	TN.01.03.06	Một số ứng dụng tiêu biểu				
4	TN.01.04_ICON_Ch chuẩn hóa Tín hiệu đồ họa các địa danh		Bộ	1	50.000.000	50.000.000
4,1	TN.01.04.01	Hình dạng và ý nghĩa				
4,2	TN.01.04.02	Yếu tố hình và nền				
4,3	TN.01.04.03	Yếu tố màu sắc				
4,4	TN.01.04.04	Yếu tố bố cục (hướng, tỷ lệ, vị trí, ...)				
4,5	TN.01.04.05	Một số trường hợp không nên sử dụng				
4,6	TN.01.04.06	Một số ứng dụng tiêu biểu				
II	TN.02 PHẢN II. ỨNG DỤNG HÌNH ẢNH NDTH TÂY NINH					160.000.000
1	TN.02.01_NDTH trên Ấn phẩm văn phòng		Bộ	1	25.000.000	25.000.000
1,1	TN.02.01.01	Giấy tiêu đề				
1,2	TN.02.01.02	Bao thư (phong bì)				
1,3	TN.02.01.03	Danh thiếp				
1,4	TN.02.01.04	Thẻ nhân viên (CC&NLĐ)				
1,5	TN.02.01.05	Bìa kẹp / lá (folder)				
1,6	TN.02.01.06	Túi hồ sơ				
1,7	TN.02.01.07	Bìa tài liệu				
1,8	TN.02.01.08	Tập ghi chú (note)				
1,9	TN.02.01.09	Sổ tay				
1,10	TN.02.01.10	Bộ thư mời				
1,11	TN.02.01.11	Bộ Thiệp chúc mừng (ngày Lễ)				
1,12	TN.02.01.12	Lịch bàn				
1,13	TN.02.01.13	Trang trình chiếu				
1,14	TN.02.01.14	Chữ ký email				
2	TN.02.02_NDTH trên Vật phẩm văn phòng		Bộ	1	20.000.000	20.000.000
2,1	TN.02.02.01	Bảng tên đặt bàn hội nghị (cá nhân)				
2,2	TN.02.02.02	Bảng tên cài áo (nhân viên)				
2,3	TN.02.02.03	Bộ bút / viết đặt bàn Hội nghị				
2,4	TN.02.02.04	đồng hồ treo tường (văn phòng)				
2,5	TN.02.02.05	Hộp đựng tài liệu				
2,6	TN.02.02.06	Dù cầm tay				

2,7	TN.02.02.07	Ly nước				
2,8	TN.02.02.08	Thùng rác				
2,9	TN.02.02.09	CD-Rom				
2,10	TN.02.02.10	USB				
2,11	TN.02.02.11	Nhãn dán				
2,12	TN.02.02.12	Dây đeo (móc khóa, thẻ,...)				
2,13	TN.02.02.13	Áo đi mưa				
2,14	TN.02.02.14	Nón bảo hộ (hiểm)				
2,15	TN.02.02.15	Bộ ấm trà				
3	TN.02.03_NDTH trên Đồng phục		Bộ	1	15.000.000	15.000.000
3,1	TN.02.03.01	Đồng phục công sở				
3,2	TN.02.03.02	Đồng phục sự kiện				
3,3	TN.02.03.03	Phụ trang tiêu biểu				
3,4	TN.02.03.04	Phụ kiện (ba lô, cặp táp,...)				
4	TN.02.04_NDTH trên ấn phẩm, vật phẩm trong Sự kiện, Nghi lễ khánh tiết		Bộ	1	25.000.000	25.000.000
4,1	TN.02.04.01	Huy hiệu				
4,2	TN.02.04.02	Nhãn dán				
4,3	TN.02.04.03	Dấu khắc (triện)				
4,4	TN.02.04.04	Kỷ niệm chương				
4,5	TN.02.04.05	Tặng phẩm				
4,6	TN.02.04.06	Bảng khen				
4,7	TN.02.04.07	Ruy băng trang trí				
4,8	TN.02.04.08	Túi xách				
4,9	TN.02.04.09	Cờ ngoại giao (đặt bàn)				
4,10	TN.02.04.10	Phông nền Hội nghị (backdrop)				
4,11	TN.02.04.11	Vé mời				
4,12	TN.02.04.12	Vòng đeo tay				
4,13	TN.02.04.13	Thẻ đeo sự kiện				
4,14	TN.02.04.14	Ly nước (mang đi)				
4,15	TN.02.04.15	Bảng nhãn (tag treo, hashtag cầm tay)				
4,16	TN.02.04.16	Cờ luân lưu, cờ giải				
4,17	TN.02.04.17	Phông triển lãm, trưng bày				
4,18	TN.02.04.18	Tem				
5	TN.02.05_NDTH trên Phương tiện truyền thông In ấn		Bộ	1	20.000.000	20.000.000
5,1	TN.02.05.01	Bảng cáo thị (poster)				

C.N
HỘI
HỘI
LỊCH
Y NI

5,2	TN.02.05.02	Băng rôn (Banner, Standee)				
5,3	TN.02.05.03	Bảng cáo thị khổ lớn (Pano, Billboard)				
5,4	TN.02.05.04	Tài liệu truyền thông _ dạng tờ rơi				
5,5	TN.02.05.05	Tài liệu truyền thông _ dạng tờ gấp				
5,6	TN.02.05.06	Tài liệu truyền thông _ dạng đóng quyển				
5,7	TN.02.05.07	Bao bì				
6	TN.02.06_NDTH trên Phương tiện truyền thông Trực tuyến		Bộ	1	15.000.000	15.000.000
6,1	TN.02.06.01	Logo trên giao diện trực tuyến				
6,2	TN.02.06.02	Logo và khoảng cách hiển thị trên khuôn mẫu truyền thông online tiêu biểu (Banner)				
6,3	TN.02.06.03	Trạng thái hiển thị biểu tượng (icon), nút (button)				
7	TN.02.07_NDTH trên Bảng, Biển (nội bộ)		Bộ	1	15.000.000	15.000.000
7,1	TN.02.07.01	Biển hiệu trụ sở / cơ quan				
7,2	TN.02.07.02	Bảng hướng dẫn lối đi nội bộ				
7,3	TN.02.07.03	Bảng tên văn phòng (phân khu nội bộ)				
7,4	TN.02.07.04	Bảng danh mục chỉ dẫn phòng /ban				
7,5	TN.02.07.05	Bảng tên phòng /ban				
8	TN.02.08_NDTH trên Phương tiện vận chuyển		Bộ	1	10.000.000	10.000.000
8,1	TN.02.08.01	Xe 4 chỗ				
8,2	TN.02.08.02	Xe 7 chỗ				
8,3	TN.02.08.03	Xe 16 chỗ				
8,4	TN.02.08.04	Xe 45 chỗ				
9	TN.02.09_NDTH trên Tín hiệu chỉ dẫn Biển báo		Bộ	1	15.000.000	15.000.000
9,1	TN.02.09.01	Đậu xe / Cấm đậu xe				
9,2	TN.02.09.02	Hút thuốc / Cấm hút thuốc				
9,3	TN.02.09.03	Chụp hình / Cấm chụp hình				
9,4	TN.02.09.04	Hướng đi (trái, phải, trước, sau...)				
9,5	TN.02.09.05	Lối vào				
9,6	TN.02.09.06	Lối thoát hiểm				
9,7	TN.02.09.07	Thùng rác (vị trí bỏ rác)				
9,8	TN.02.09.08	Khu vệ sinh				
9,9	TN.02.09.09	Bảng tên đường phố				
III	Chi phí in ấn, dàn trang,...		Bộ	1	4.074.074	4.074.074
	Hồ sơ thiết kế bộ NDTH tỉnh Tây Ninh	1. Hồ sơ bản vẽ thiết kế bộ NDTH: quyền 2. Hồ sơ bản vẽ thiết kế bộ NDTH: file				
	THÀNH TIỀN (A)					324.074.074

	VAT (8%)					25.925.926
	TỔNG CỘNG (A)					350.000.000
B	CHI PHÍ TƯ VẤN					
I	Chi phí tư vấn lựa chọn nhà thầu					8.000.000
II	Chi phí thẩm định E-HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu					4.000.000
III	Chi phí thẩm định giá					15.000.000
	THÀNH TIỀN (B)					27.000.000
	TỔNG CỘNG (A+B) - Sau thuế VAT (8%)					377.000.000

[Handwritten signature]

